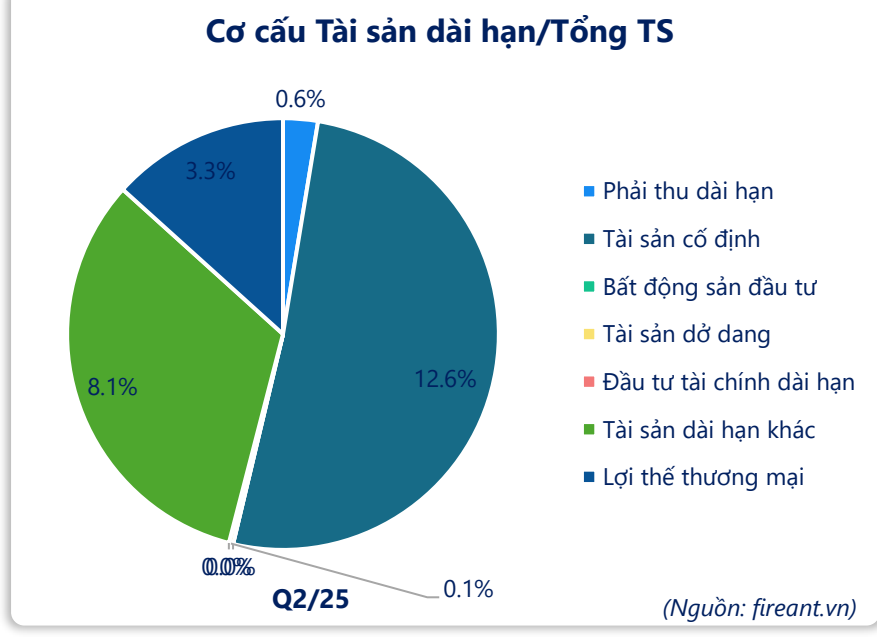
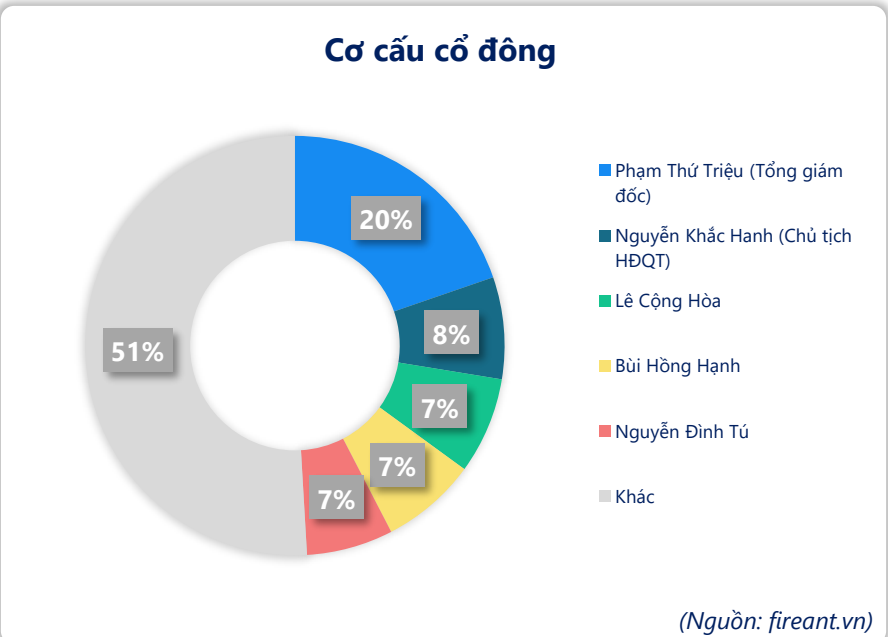
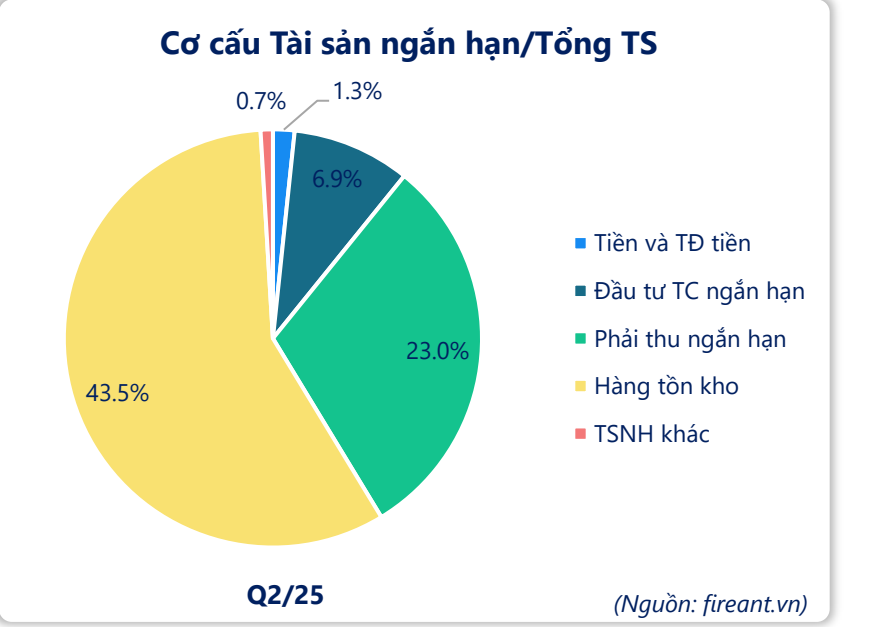
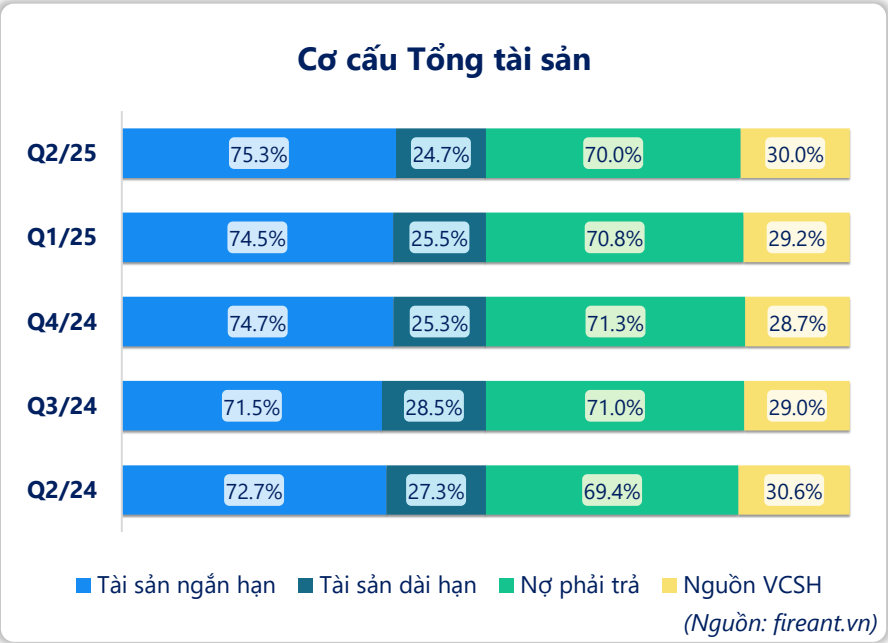
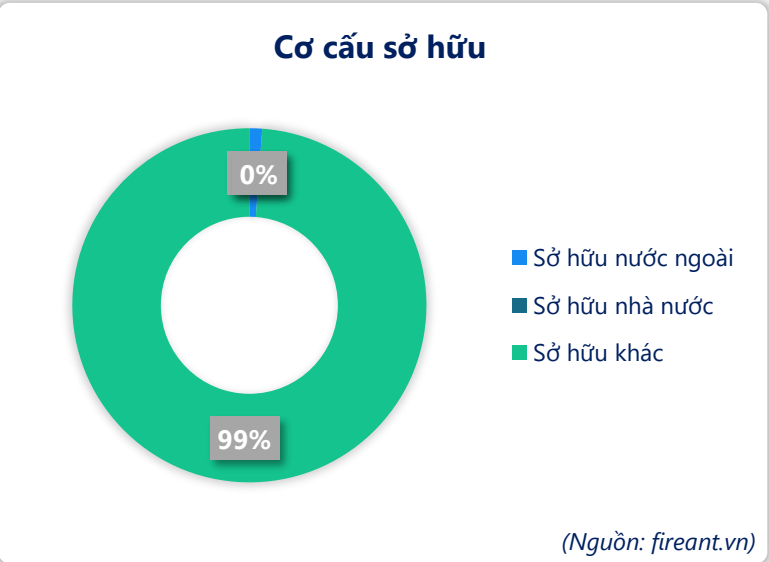
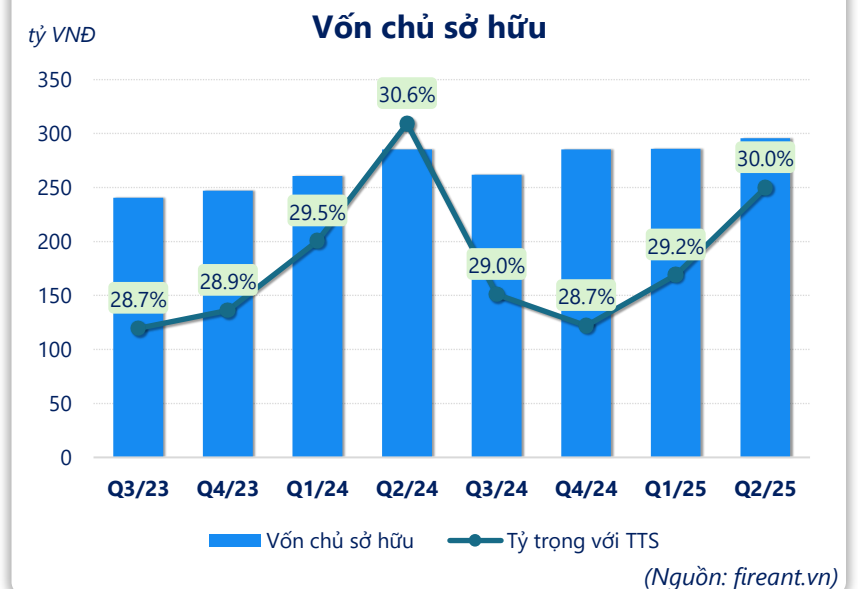
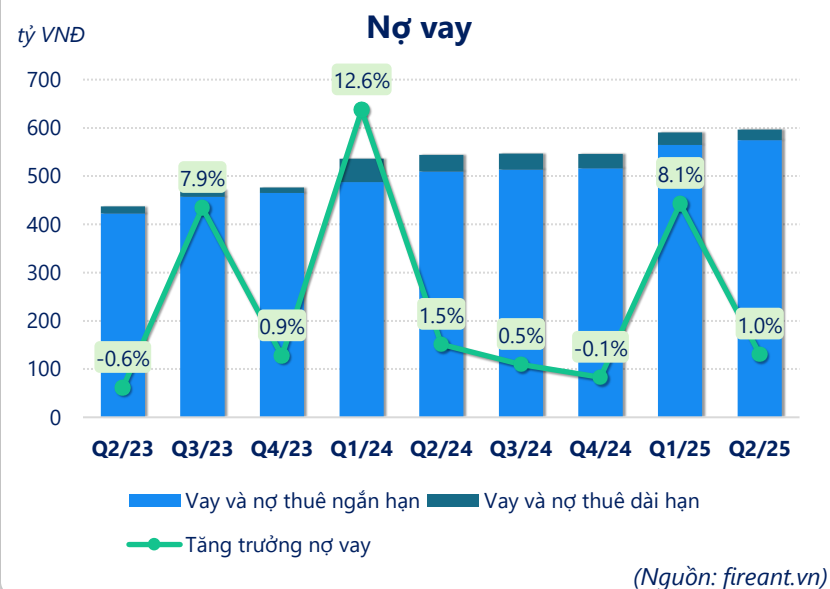
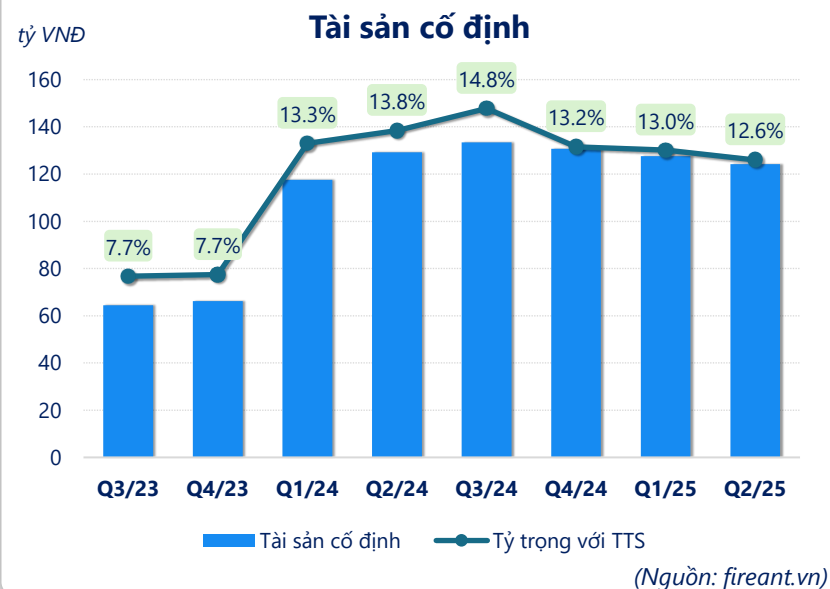
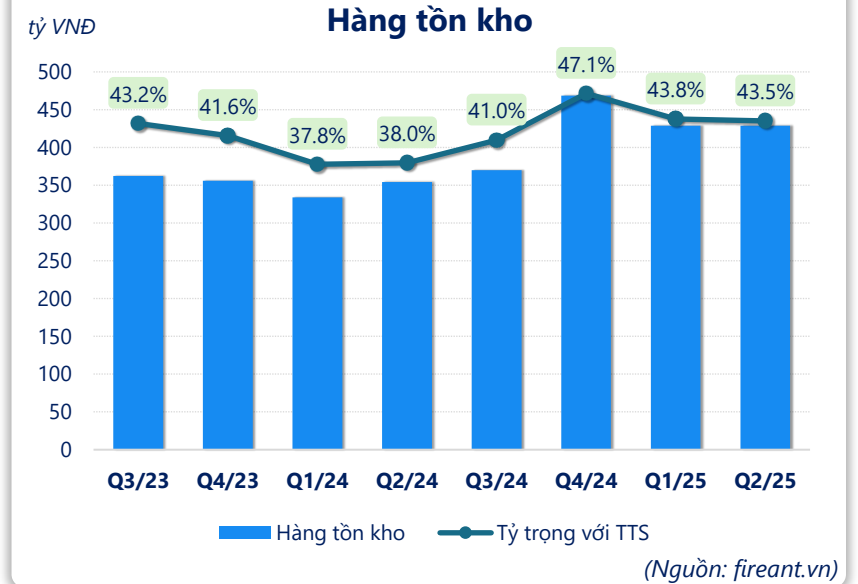
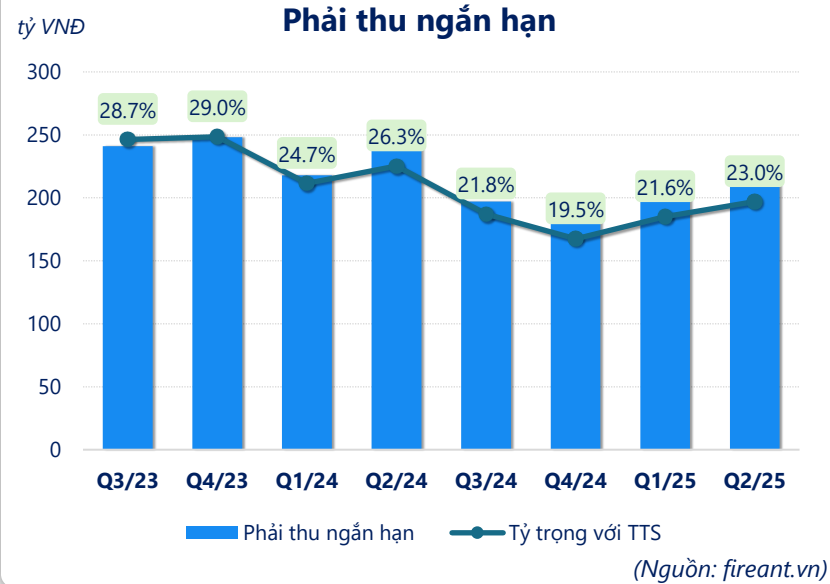
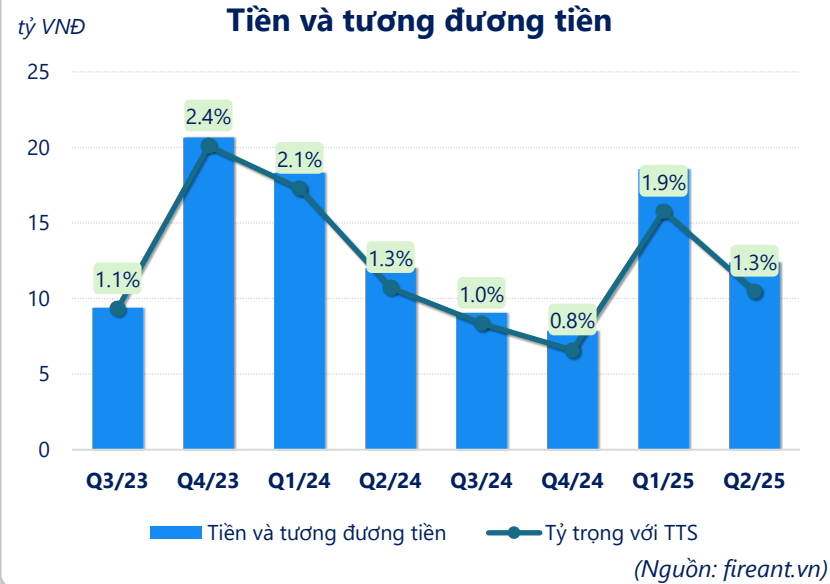
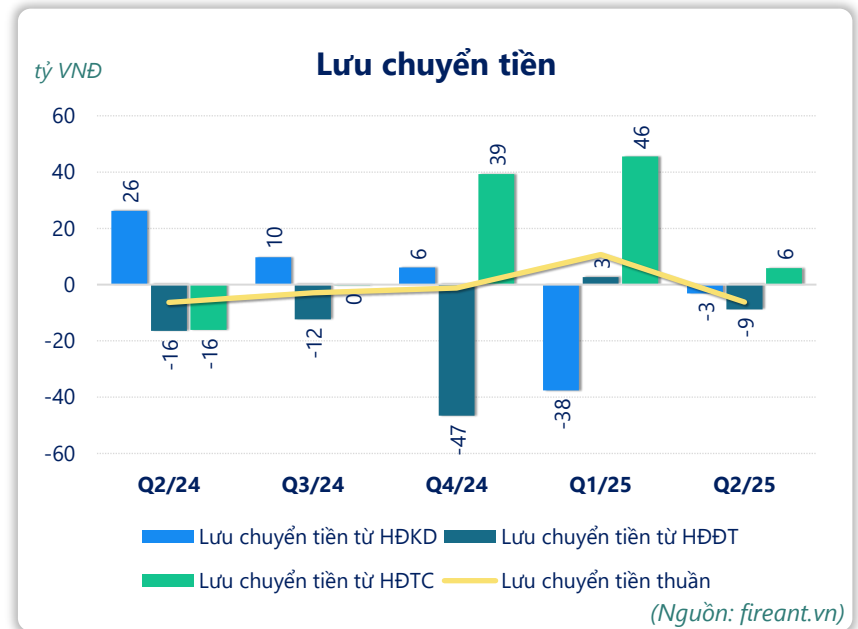
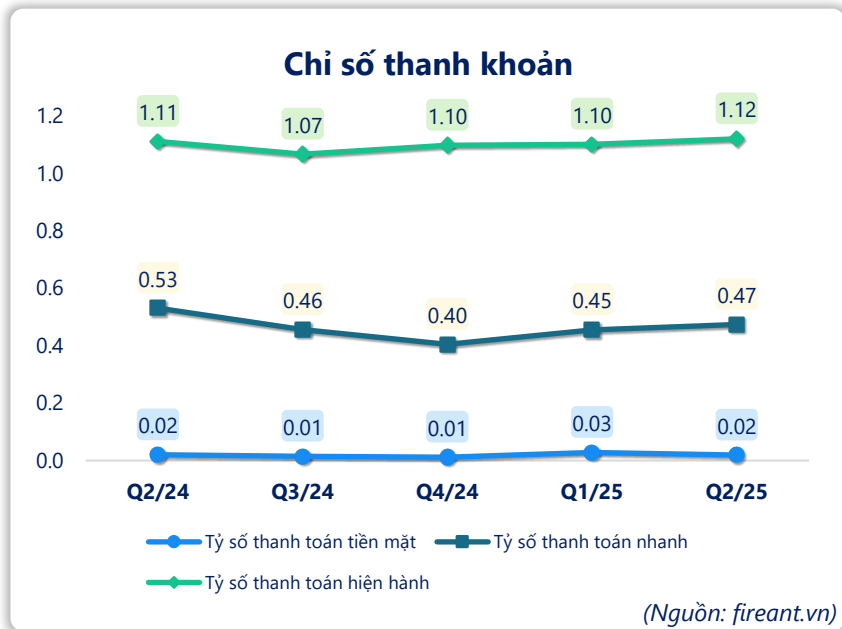
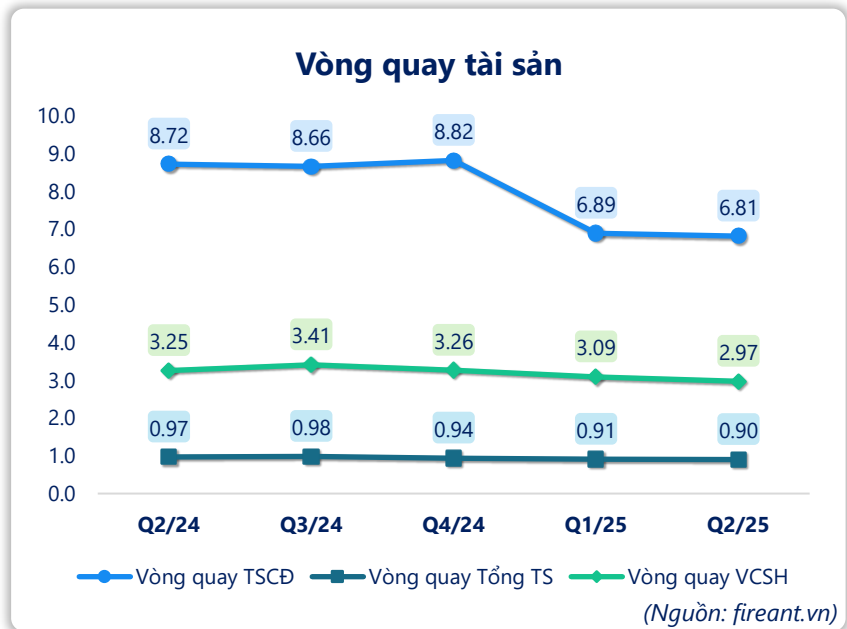
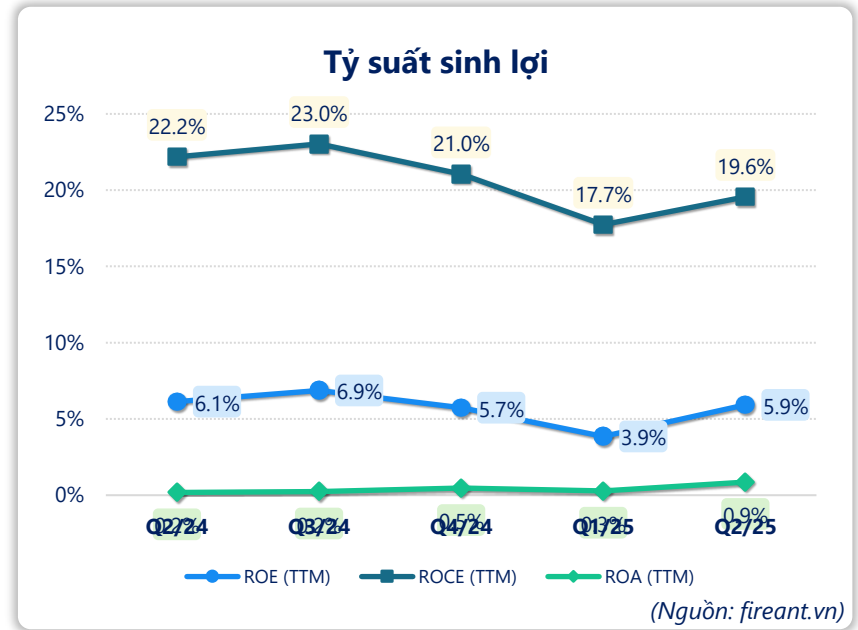
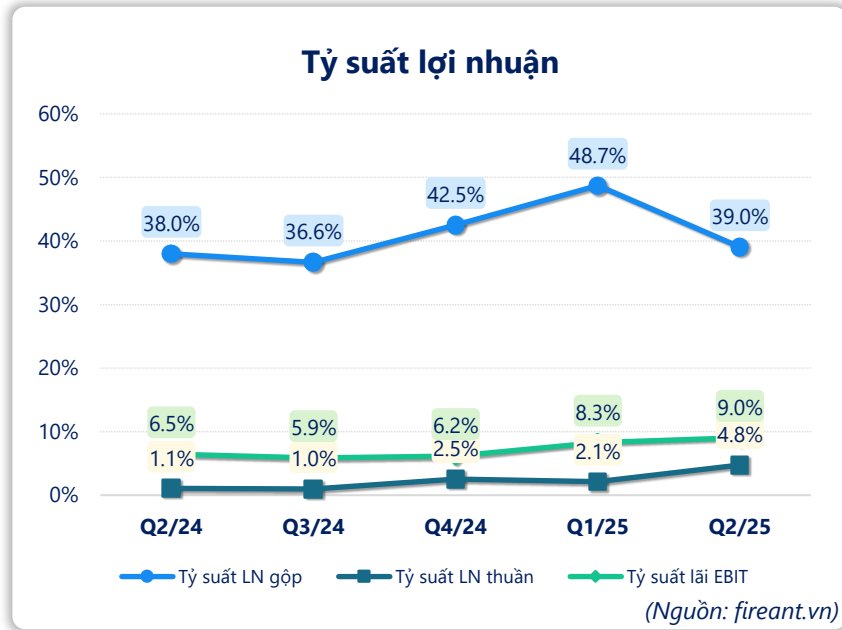
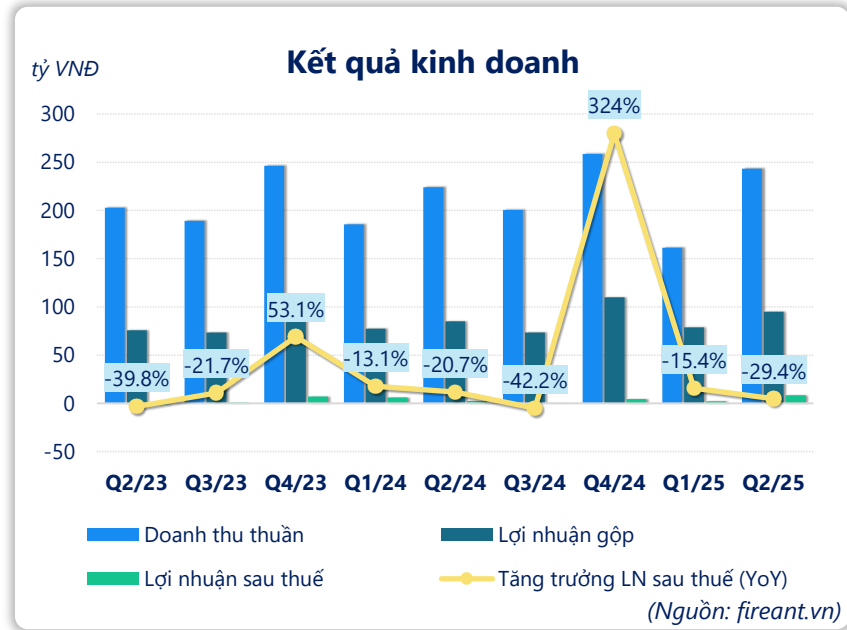


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,757
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,907
SL cổ phiếu LH		20,530,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)		18,985
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		242
P/E		14.1
EPS		838

	YTD	1T	3T	6T
DBT	3.5%	7.0%	5.7%	3.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	986	994	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	743	742	0.0%
Tiền và tương đương tiền	12.4	7.86	57.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.0	67.4	0.8%
Phải thu ngắn hạn	226	193	17.3%
Hàng tồn kho	429	470	-8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	7.04	3.91	80.2%
Tài sản dài hạn	243	251	-3.3%
Phải thu dài hạn	6.33	6.34	-0.2%
Tài sản cố định	124	131	-4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.77	0.48	59.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	79.3	79.6	-0.3%
Lợi thế thương mại	32.4	34.4	-5.9%
Nợ phải trả	690	710	-2.8%
Nợ ngắn hạn	663	676	-1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	574	516	11.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.8	117	-49.0%
Nợ dài hạn	26.7	34.0	-21.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	22.1	29.2	-24.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	296	284	4.1%
Vốn chủ sở hữu	296	284	4.1%
Vốn điều lệ	205	205	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	224	201	258	161	243
Giá vốn hàng bán	139	127	148	82.7	148
Lợi nhuận gộp	85.2	73.5	110	78.6	94.9
Doanh thu HĐTC	-0.30	2.57	1.56	1.27	3.44
Chi phí TC	10.6	9.74	10.1	10.6	14.4
Chi phí lãi vay	10.2	9.85	10.2	10.1	10.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	59.7	50.6	76.5	50.8	56.9
Chi phí QLDN	12.2	13.8	18.2	15.0	15.5
LN thuần từ HĐKD	2.37	1.97	6.58	3.44	11.6
Lợi nhuận khác	1.93	-0.07	-0.77	-0.18	0.14
LN trước thuế	4.30	1.90	5.81	3.26	11.7
Lợi nhuận sau thuế	2.45	0.56	4.58	2.04	8.40
LNST của CĐ cty mẹ	1.59	2.03	4.26	2.66	8.26

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.2	9.72	6.10	-37.5	-3.16
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.5	-12.4	-46.6	2.64	-8.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.1	-0.30	39.3	45.6	5.87
Tiền đầu kỳ	18.3	12.0	9.05	7.86	18.5
Lưu chuyển tiền thuần	-6.33	-2.95	-1.19	10.7	-6.15
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	12.0	9.05	7.86	18.5	12.4

(Nguồn: fireant.vn)